

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2026/HS-ST

Ngày: 26/3/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lục Kim Thanh;

2/ Ông Trần Xuân Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân H - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026; tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn P, sinh năm 1992, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp I, xã A, tỉnh Vĩnh Long); căn cước công dân: 084092003443; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1974; vợ Trần Thị Kim C, sinh năm 1994 (đã ly hôn); bị cáo có 02 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015); bị cáo có 03 anh em; bị cáo là anh lớn nhất; bị cáo có 02 em lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04/8/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2016, bị cáo được miễn chấp hành án phí ngày 15/7/2022, chưa chấp hành bồi thường dân sự do chưa có đơn yêu cầu. Ngày 30/9/2020, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời

hạn 15 tháng. Bị cáo chấp hành xong ngày 30/9/2021. Ngày 12/5/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2023, chấp hành xong án phí ngày 01/10/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị Quyền T1, sinh năm 2000; nơi thường trú: Tổ C, ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1972; nơi thường trú: Ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; nơi thường trú: Ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bị cáo Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Quyền T1 là anh, em chú bác ruột.

Tối ngày 26/10/2018, bị cáo P đến phòng trọ của bà T1 tại đường D thuộc khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương để mượn 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150 biển số 66K1-299.23 của bà T1 để đi chơi thì bà T1 đồng ý. Sau khi lấy được xe, bị cáo P đi uống bia cùng bạn tại phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không đủ tiền trả tiền quán nên bị cáo P đem xe mô tô biển số 66K1-299.23 đi cầm tại một tiệm cầm đồ (không nhớ địa chỉ) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), số tiền này bị cáo P tiêu xài hết và sống lang thang nhiều nơi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Do bà T1 không thấy bị cáo P trả lại xe và gọi điện thoại cho bị cáo P thì không liên lạc được nên đến ngày 27/10/2018, bà T1 đến Công an phường M trình báo vụ việc.

Khoảng 10 ngày sau, bị cáo P liên hệ qua điện thoại với em của bà T1 tên Nguyễn Thị Tố Q nói là nhờ một người nam (không rõ lai lịch) gửi giấy cầm xe cho bà Q. Sau khi nhận được giấy cầm xe, bà Q đưa cho ba mẹ là ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị L là cha mẹ ruột của Q và bị hại T1 đến tiệm cầm đồ (không rõ địa chỉ) tại thành phố Hồ Chí Minh để chuộc lại xe với số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Theo Kết luận định giá ngày 19/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, màu đen, biển số 66K1-299.23, đã qua sử dụng có trị giá 50.350.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng)

* Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn P bồi thường số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng), bị cáo P đồng ý bồi thường nhưng đến nay vẫn chưa bồi thường cho bà L. Đòi với số tiền này ông Nguyễn Văn T2 là chồng bà Nguyễn Thị L thừa nhận đó là số tiền cá nhân của bà L nên ông T2 không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với bị cáo P.

Tại bản Cáo trạng số: 129/CT-VKS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn P về việc bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị L số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo làm công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Tối ngày 26/10/2018, tại nhà trọ của bị hại bà Nguyễn Thị Quyền T1 tọa lạc tại đường D thuộc khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay là Khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Bị cáo Nguyễn Văn P có hành vi mượn xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, màu đen, biển số 66K1-299.23 trị giá 50.350.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) của bà Nguyễn Thị Quyền T1 để đi công việc. Sau đó, do không có tiền tiêu xài bị cáo P đem xe mô tô nêu trên đi cầm cố được số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và bỏ trốn.

Lời khai của bị cáo P tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 129/CT-VKS ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo P nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo P đã lợi dụng mối quan hệ tình cảm gia đình để chiếm đoạt tài sản là 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, màu đen, biển số 66K1-299.23 được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter 150, màu đen, biển số 66K1-299.23, đã qua sử dụng có trị giá 50.350.000 đồng (năm mươi triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) của bị hại bà Nguyễn Thị Quyền T1 để tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo. Hành vi của bị cáo P không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại bà T1 được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Đồng thời, bị cáo P cũng đã 02 lần bị Tòa án xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bằng phương thức trộm cắp và cũng đã từng chấp hành hình phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo P vẫn không tự cải tạo mình mà tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân của bị cáo P. Đồng thời, bị cáo P sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại T1, bị cáo P không tự đầu thú mà bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra trong thời gian dài. Cơ quan Cảnh sát điều tra phải ban hành Quyết định truy nã bị cáo P mới bắt được bị cáo P thể hiện bị cáo P là người xem thường pháp luật.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác trên địa bàn phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử lý bị cáo Nguyễn Văn P mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo P nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo Nguyễn Văn P thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo P không có.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn P có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn P để bị cáo P thấy được sự khoan hồng của pháp luật tạo điều kiện để bị cáo cải tạo, giáo dục thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn P là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng) của bị cáo P cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị L.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp theo quy định của pháp luật.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Lạm dụng chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/9/2025.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình; Điều 584 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Văn P về việc bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị L số tiền 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Văn P không thanh toán số tiền trên, thì

hàng tháng bị cáo Nguyễn Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7 a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp số tiền 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 26/3/2026).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 06 CA TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Phòng PC 10 CA TP. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Dầu Tiếng (cơ sở 1), Trại tạm giam số 2 - CA TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty

